**CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2025/NĐ-CP

*Hà Nội, ngày tháng năm 2025*

DỰ THẢO

LẦN 1

Tháng 6/2025

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về dịch vụ Tiền di động**

*Căn cứ* *Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;*

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 15 tháng 11 năm 2022;*

*Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về dịch vụ Tiền di động.*

# Chương I

# QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc doanh nghiệp viễn thông cung ứng cho khách hàng một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động để nạp tiền vào, rút tiền ra khỏi tài khoản này và thực hiện giao dịch thanh toán (sau đây gọi là dịch vụ Tiền di động).

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động.

3. Cá nhân sử dụng dịch vụ Tiền di động (sau đây gọi là khách hàng).

### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động là tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động.

2. Dịch vụ Tiền di động là dịch vụ do tổ chức cung ứng dịch vụ Mobile Money cung ứng cho khách hàng một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động để nạp tiền vào, rút tiền ra khỏi tài khoản này và thực hiện giao dịch thanh toán. Việc cung ứng dịch vụ Tiền di động thông qua tài khoản Tiền di động.

3. Tài khoản Tiền di động là một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động do doanh nghiệp viễn thông cung ứng cho khách hàng để sử dụng dịch vụ Tiền di động.

4. Đơn vị chấp nhận thanh toán (viết tắt là ĐVCNTT) quy định tại Nghị định này là tổ chức, cá nhân cung cấp hàng hóa, dịch vụ chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ thông qua dịch vụ Tiền di động theo hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản ký kết với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động hoặc thông qua các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

5. Điểm kinh doanh là điểm cung ứng dịch vụ do chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động trực tiếp sở hữu, thiết lập (có địa chỉ xác định hoặc lưu động) hoặc điểm cung ứng dịch vụ có địa chỉ xác định do doanh nghiệp khác thiết lập, được tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động ký hợp đồng ủy quyền.

6. Ngân hàng hợp tác là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có ký hợp đồng hoặc thỏa thuận với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động về việc hợp tác cung ứng dịch vụ.

7. Tài khoản đảm bảo thanh toán là tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động mở tại ngân hàng hợp tác để đảm bảo cho việc cung ứng dịch vụ Tiền di động.

8. Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động là Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép.

### Điều 4. Phạm vi cung ứng dịch vụ

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động chỉ được phép cung ứng dịch vụ Tiền di động để nạp tiền vào tài khoản Tiền di động, rút tiền ra khỏi tài khoản Tiền di động và thực hiện giao dịch thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm cả trường hợp thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài.

2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động được cung ứng dịch vụ Tiền di động cho khách hàng để thực hiện giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài; việc thực hiện thanh toán, quyết toán các giao dịch thanh toán cho hàng hoá, dịch vụ nước ngoài phải được thực hiện thông qua ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế.

3. Nguyên tắc lựa chọn điểm kinh doanh

a) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải xây dựng các tiêu chí cụ thể đánh giá năng lực (tài chính, cơ sở vật chất, nhân sự) của các điểm kinh doanh, làm cơ sở cho việc xác định hạn mức giao dịch ngày, hạn mức giao dịch tháng của từng điểm kinh doanh. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải có hợp đồng ủy quyền với các điểm kinh doanh; có cơ chế kiểm soát và chịu trách nhiệm toàn diện đối với mọi hoạt động và rủi ro phát sinh tại các điểm kinh doanh.

b) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động được phép lựa chọn điểm kinh doanh trên phạm vi toàn quốc. Số lượng điểm kinh doanh ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo phải đảm bảo chiếm trên 70% so với tổng số lượng điểm kinh doanh của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động.

### Điều 5. Đồng tiền sử dụng trong giao dịch

1. Các giao dịch thực hiện qua tài khoản Tiền di động trên lãnh thổ Việt Nam phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam.

2. Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cung ứng dịch vụ cho khách hàng để thực hiện giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài, đồng tiền khách hàng sử dụng để thanh toán bằng dịch vụ Tiền di động là đồng Việt Nam.

3. Việc quy đổi từ ngoại tệ ra đồng Việt Nam (hoặc từ đồng Việt Nam ra ngoại tệ), tỷ giá giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ theo tỷ giá do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

### Điều 6. Các hành vi bị cấm

1. Cung ứng hoặc sử dụng tài khoản Tiền di động để thực hiện các nghiệp vụ khác ngoài các nghiệp vụ đã được quy định tại Điều 9 Nghị định này.

2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cấp tín dụng cho khách hàng trên tài khoản Tiền di động, trả lãi trên số dư tài khoản Tiền di động hoặc bất kỳ hành động nào có thể làm tăng giá trị tiền tệ trên tài khoản Tiền di động so với giá trị tiền được nạp vào tài khoản Tiền di động của khách hàng.

3. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thực hiện hoạt động ngân hàng (cho vay, huy động vốn).

4. Cung ứng hoặc sử dụng tài khoản Tiền di động để thực hiện các giao dịch cho mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

5. Thuê, cho thuê, mượn, cho mượn, trao đổi, tặng, cho hoặc mua, bán tài khoản Tiền di động, thông tin tài khoản Tiền di động.

6. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động sử dụng nguồn tiền từ tài khoản Tiền di động của khách hàng cho các mục đích khác của tổ chức cung ứng dịch vụ.

7. Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện thực hiện các hành vi: sử dụng, lợi dụng tài khoản Tiền di động để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gian lận, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác.

8. Ủy thác, giao đại lý cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện hoạt động được phép theo Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động.

9. Gian lận, giả mạo các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để được cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

10. Hoạt động không đúng nội dung quy định trong Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động.

# Chương II

# HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ TIỀN DI ĐỘNG

## Mục 1

## MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN TIỀN DI ĐỘNG

### Điều 7. Đối tượng khách hàng sử dụng tài khoản Tiền di động

Khách hàng sử dụng dịch vụ Tiền di động là cá nhân sử dụng số thuê bao di động mặt đất đã đăng ký thông tin thuê bao di động mặt đất với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động.

### Điều 8. Việc mở tài khoản Tiền di động

Việc mở tài khoản Tiền di động được thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

### Điều 9. Sử dụng tài khoản Tiền di động

1. Việc nạp tiền vào tài khoản Tiền di động được thực hiện thông qua:

a) Nạp tiền mặt vào tài khoản Tiền di động tại các điểm kinh doanh;

b) Nhận tiền từ tài khoản thanh toán (của chủ tài khoản Tiền di động), thẻ ghi nợ nội địa (của chủ tài khoản Tiền di động) mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ;

c) Nhận tiền từ Ví điện tử (của chủ tài khoản Tiền di động) tại chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;

d) Nhận tiền từ tài khoản Tiền di động.

2. Chủ tài khoản Tiền di động được sử dụng tài khoản Tiền di động để:

a) Rút tiền mặt từ tài khoản Tiền di động tại các điểm kinh doanh;

b) Rút tiền ra khỏi tài khoản Tiền di động về Ví điện tử (của chủ tài khoản Tiền di động) tại chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;

c) Chuyển tiền đến tài khoản thanh toán (của chủ tài khoản Tiền di động), thẻ ghi nợ nội địa (của chủ tài khoản Tiền di động) mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

d) Chuyển tiền đến tài khoản Tiền di động;

đ) Chuyển tiền đến Ví điện tử (của chủ tài khoản Tiền di động) tại chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;

e) Thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ; nộp phí, lệ phí cho các dịch vụ công hợp pháp theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thực hiện hoàn trả tiền cho khách hàng trong các trường hợp:

a) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động chấm dứt cung ứng dịch vụ cho khách hàng;

b) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động chấm dứt hoạt động, bị thu hồi Giấy phép, giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;

c) Chi trả thừa kế theo quy định của pháp luật khi chủ tài khoản Tiền di động là cá nhân chết hoặc bị tuyên bố là đã chết;

d) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

đ) Các trường hợp đóng tài khoản Tiền di động và xử lý số dư còn lại khi đóng tài khoản Tiền di động theo thỏa thuận bằng văn bản giữa chủ tài khoản Tiền di động và tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động.

### Điều 10. Hạn mức giao dịch tài khoản Tiền di động

1. Tổng hạn mức giao dịch qua các tài khoản Tiền di động của 01 khách hàng tại 01 tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động (bao gồm giao dịch rút tiền, chuyển tiền và thanh toán theo quy định tại Điều 9 Nghị định này tối đa là 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong một tháng.

2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với các giao dịch thanh toán: Thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; điện; nước; viễn thông; các loại phí, giá, tiền dịch vụ liên quan đến hoạt động giao thông của phương tiện giao thông đường bộ; học phí; viện phí; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phí bảo hiểm theo quy định tại [Luật Kinh doanh bảo hiểm](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bao-hiem/Luat-Kinh-doanh-bao-hiem-2022-465916.aspx" \t "_blank); chi trả các khoản nợ đến hạn, quá hạn, lãi và các chi phí phát sinh cho ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải quy định tổng hạn mức cho các giao dịch thanh toán quy định tại khoản 2 Điều này qua tài khoản Tiền di động của 01 (một) khách hàng không lớn hơn tổng hạn mức giao dịch qua tài khoản Tiền di động đã được tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cấp cho khách hàng đó theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và đảm bảo việc sử dụng tài khoản Tiền di động của khách hàng là phù hợp với hạn mức đã được tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cấp cho khách hàng đó. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp khách hàng sử dụng tài khoản Tiền di động không đúng hạn mức đã được tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cấp cho khách hàng theo quy định tại Nghị định này.

5. Quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này không áp dụng đối với trường hợp khách hàng rút tiền từ tài khoản Tiền di động để thực hiện đóng vĩnh viễn tài khoản Tiền di động.

### Điều 11. Sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán cho tài khoản Tiền di động

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải đảm bảo duy trì tổng số dư trên tất cả các tài khoản đảm bảo thanh toán mở tại các ngân hàng hợp tác không thấp hơn tổng số dư tất cả các tài khoản Tiền di động đã phát hành cho khách hàng tại cùng một thời điểm.

2. Tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động phải được tách bạch, riêng biệt với các tài khoản thanh toán khác của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động (tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Ví điện tử, hỗ trợ thu hộ, chi hộ, tài khoản thanh toán phí, tài khoản trả lương và các tài khoản phục vụ cho mục đích khác của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động).

### Điều 12. Quy trình và thủ tục giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động quy định cụ thể thời hạn khách hàng sử dụng dịch vụ Tiền di động được quyền đề nghị tra soát, khiếu nại đối với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động nhưng không ít hơn 60 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch yêu cầu tra soát.

2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại của khách hàng sử dụng dịch vụ, đảm bảo tuân thủ tối thiểu các quy định sau:

a) Áp dụng tối thiểu hai hình thức tiếp nhận thông tin tra soát, khiếu nại qua tổng đài điện thoại (có ghi âm, hoạt động 24/24 giờ trong ngày và 7/7 ngày trong tuần) và qua các địa điểm giao dịch hợp pháp của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động; đảm bảo xác thực những thông tin cơ bản mà khách hàng đã cung cấp cho tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;

b) Ban hành mẫu đề nghị tra soát, khiếu nại (văn bản giấy và điện tử) để khách hàng sử dụng khi đề nghị tra soát, khiếu nại tại các địa điểm giao dịch của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động hoặc trên kênh trực tuyến. Trường hợp tiếp nhận thông tin qua tổng đài điện thoại hoặc kênh trực tuyến, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động yêu cầu khách hàng cung cấp các thông tin cần thiết để xác minh khách hàng, có biện pháp lưu trữ thông tin khách hàng cung cấp làm căn cứ để xử lý tra soát, khiếu nại. Trường hợp ủy quyền cho người khác đề nghị tra soát, khiếu nại, việc ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật về ủy quyền;

c) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm trả lời hoặc xử lý kịp thời các khiếu nại của khách hàng trong thời hạn theo thỏa thuận nhưng không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận được yêu cầu khiếu nại của khách hàng sử dụng dịch vụ theo quy định tại điểm a Khoản này;

Thực hiện ngay các biện pháp để tạm dừng cung ứng dịch vụ khi khách hàng đề nghị do nghi ngờ có gian lận hoặc tổn thất và chịu trách nhiệm với toàn bộ tổn thất tài chính của khách hàng phát sinh sau thời điểm khách hàng đề nghị tạm dừng cung ứng dịch vụ.

3. Xử lý kết quả tra soát, xử lý khiếu nại:

a) Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả xử lý tra soát, xử lý khiếu nại cho khách hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thực hiện bồi hoàn tổn thất cho khách hàng theo thỏa thuận và quy định của pháp luật hiện hành đối với những tổn thất phát sinh không do lỗi của khách hàng và/hoặc không thuộc các trường hợp bất khả kháng theo thỏa thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng dịch vụ;

b) Trong trường hợp hết thời hạn giải quyết tra soát, xử lý khiếu nại được quy định tại khoản 3 Điều này mà vẫn chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi thuộc bên nào thì trong vòng 15 ngày làm việc tiếp theo, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thỏa thuận với khách hàng về phương án xử lý, nếu không thỏa thuận được phương án xử lý thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thực hiện tố giác, báo tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự và báo cáo bằng văn bản cho Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng Nhà nước; đồng thời, thông báo bằng văn bản cho khách hàng về tình trạng xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo kết quả giải quyết không có yếu tố tội phạm, trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thỏa thuận với khách hàng về phương án xử lý kết quả tra soát, xử lý khiếu nại.

6. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải có giải pháp để khách hàng có thể tra cứu trực tuyến được thông tin, tiến độ, kết quả xử lý tra soát, xử lý khiếu nại.

7. Phối hợp tra soát giữa các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động:

Các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm phối hợp để xử lý kịp thời các yêu cầu tra soát trong thanh toán trong vòng 04 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được yêu cầu tra soát bên nhận yêu cầu tra soát phải trả lời yêu cầu/kết quả tra soát cho bên yêu cầu tra soát hoặc thực hiện hoàn trả lại lệnh thanh toán có thông tin yêu cầu tra soát.

### Điều 13. Các biện pháp đảm bảo an toàn khi cung ứng dịch vụ Tiền di động cho khách hàng

1. Trước khi cung ứng dịch vụ Tiền di động cho khách hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải ban hành các quy trình nội bộ liên quan đến dịch vụ Tiền di động, tối thiểu bao gồm các quy trình sau:

a) Quy trình nghiệp vụ kỹ thuật của dịch vụ;

b) Quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ;

c) Quy trình quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật;

d) Các nguyên tắc chung và quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

đ) Quy trình và thủ tục giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp tuân thủ theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

e) Quy trình quản lý Đơn vị chấp nhận thanh toán.

f) Quy trình lựa chọn, quản lý Điểm kinh doanh.

2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ nêu tại khoản 1 Điều này, đảm bảo phù hợp với thực tế cung ứng dịch vụ và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

### Điều 14. Quản lý giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ nước ngoài

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế) về việc thực hiện thanh toán, quyết toán các giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài.

2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải có biện pháp giám sát để đảm bảo việc thực hiện giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài thông qua dịch vụ Tiền di động là hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

## Mục 2

## HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỦ TỤC, ĐIỀU KIỆN CUNG ỨNG DỊCH VỤ TIỀN DI ĐỘNG

### Điều 15. Điều kiện cung ứng dịch vụ Tiền di động

Tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động khi đáp ứng đầy đủ và phải đảm bảo duy trì đủ các điều kiện sau đây trong quá trình cung ứng dịch vụ, cụ thể như sau:

1. Có Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán Ví điện tử.

2. Có Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần số vô tuyến điện hoặc là công ty con/đơn vị trực thuộc được Công ty mẹ/công ty có Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần số vô tuyến điện cho phép sử dụng hạ tầng, mạng lưới, dữ liệu viễn thông.

3. Có Đề án cung ứng dịch vụ Tiền di động được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức phê duyệt theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Điều kiện về nhân sự: Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức phải có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, viễn thông hoặc 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin, luật, viễn thông, và không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định của pháp luật; phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam (Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền).

Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) và các cán bộ chủ chốt thực hiện Đề án cung ứng dịch vụ Tiền di động (gồm Trưởng phòng (ban) hoặc tương đương và các cán bộ kỹ thuật) có bằng cao đẳng trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, viễn thông hoặc lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm;

5. Có Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật về hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có hệ thống đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật hiện hành. Hạ tầng công nghệ thông tin và các giải pháp phục vụ cung ứng dịch vụ Tiền di động phải đảm bảo hoạt động liên tục, an toàn trong suốt quá trình cung ứng dịch vụ Tiền di động;

b) Phải có công cụ, giải pháp phù hợp xác định được chính xác địa chỉ giao thức Internet (Internet Protocol - IP), thuê bao sử dụng để có thể truy vết được đối tượng khách hàng thực sự sử dụng tài khoản Tiền di động;

c) Phải có hệ thống lưu trữ lịch sử giao dịch Tiền di động phát sinh (như: giao dịch nạp/rút, chuyển tiền và thanh toán hàng hóa, dịch vụ); hệ thống lưu trữ thông tin định danh khách hàng, thông tin định danh thiết bị, địa chỉ IP (trừ giao dịch USSD), địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control - MAC (trừ giao dịch USSD), Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI), thời gian giao dịch, nội dung giao dịch, tài khoản gửi, tài khoản nhận, số dư, vị trí giao dịch,... từ khi khách hàng mở đến khi đóng tài khoản, trong đó có các thông tin truy vết người sử dụng dịch vụ (đối với các tài khoản Tiền di động đã đóng vẫn phải lưu trữ thông tin tối thiểu 02 (hai) năm); đồng thời phải có bản sao lưu các thông tin lưu trữ nhằm phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin khi có yêu cầu từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Thông tin địa chỉ IP, thời gian đăng nhập phải lưu giữ tối thiểu 02 (hai) năm. Đối với các tài liệu kế toán, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải lưu trữ theo quy định của Luật Kế toán.

### Điều 16. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động

1. Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Trường hợp văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự) và dịch ra tiếng Việt.

2. Các bản sao hồ sơ, tài liệu phải là bản sao có chứng thực hoặc bản sao cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu theo quy định của pháp luật, trường hợp hồ sơ gửi trực tuyến thì thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

3. Sơ yếu lý lịch cá nhân tự lập được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.

4. Hồ sơ được gửi qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.

5. Tổ chức đề nghị cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp.

### Điều 17. Cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động

1. Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động cho tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Nghị quyết của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, văn bản của người đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều lệ công ty về việc thông qua Đề án cung ứng dịch vụ và Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật;

c) Đề án cung ứng dịch vụ Tiền di động theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật;

đ) Hồ sơ về nhân sự: sơ yếu lý lịch theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này, bản sao các văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) và các cán bộ chủ chốt thực hiện Đề án cung ứng dịch vụ; phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) theo quy định của pháp luật (trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 tháng); văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhận chức vụ hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại đơn vị của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc);

e) Bản sao Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; bản sao Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần số vô tuyến điện hoặc văn bản của Công ty mẹ có Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần số vô tuyến điện cho phép sử dụng hạ tầng, mạng lưới, dữ liệu viễn thông.

3. Quy trình, thủ tục cấp Giấy phép

Trường hợp nộp hồ sơ được gửi qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép gửi 02 bộ hồ sơ và 08 đĩa CD (hoặc 08 USB) lưu trữ bản quét Bộ hồ sơ đầy đủ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều này. Căn cứ vào hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tiến hành thẩm định hồ sơ trên cơ sở các điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định này.

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức xác nhận đã nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ. Trường hợp thành phần hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức yêu cầu bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ nhưng tổ chức đề nghị cấp Giấy phép không gửi lại hồ sơ hoặc hồ sơ bổ sung của tổ chức không đáp ứng thành phần thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức;

b) Trong thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định hồ sơ. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại hồ sơ thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức.

Trong thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện của tổ chức, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định, cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời tổ chức, trong đó nêu rõ lý do.

4. Thời hạn Giấy phép

Thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép là 10 năm tính từ ngày tổ chức được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép.

### Điều 18. Cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động

Ngân hàng Nhà nước cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn Giấy phép

Tối thiểu 60 ngày trước ngày hết thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải gửi Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép cho Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động gửi 02 bộ hồ sơ và 08 đĩa CD (hoặc 08 USB) hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép gồm: đơn đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định này, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động theo Giấy phép kể từ ngày được cấp Giấy phép đến ngày nộp đơn đề nghị cấp lại Giấy phép và bản sao Giấy phép đang có hiệu lực tới Ngân hàng Nhà nước.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép của tổ chức, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét cấp lại Giấy phép hoặc có văn bản thông báo từ chối trong đó nêu rõ lý do;

Thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép là 10 năm tính từ ngày tổ chức được Ngân hàng Nhà nước cấp lại Giấy phép.

2. Giấy phép bị mất, bị hủy hoại không thể sử dụng được

Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động gửi đơn đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định này trong đó nêu rõ lý do. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại Giấy phép của tổ chức, Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp lại Giấy phép hoặc có văn bản thông báo từ chối trong đó nêu rõ lý do;

Thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép được giữ nguyên như thời hạn hoạt động trên Giấy phép đã bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy dưới hình thức khác.

### Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động

1. Trường hợp thay đổi một trong các nội dung quy định trong Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động sau: tên tổ chức, địa điểm đặt trụ sở chính:

a) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép gồm: đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định này; bản sao Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động còn hiệu lực; bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã thay đổi tên doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có); báo cáo tình hình thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động kể từ ngày được cấp Giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

b) Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận và xét tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời tổ chức trong đó nêu rõ lý do.

c) Thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép sửa đổi, bổ sung không vượt quá thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động.

2. Trường hợp thay đổi một trong các nội dung sau: người đại diện theo pháp luật, thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của chủ sở hữu; thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động không phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhưng phải gửi thông báo cho Ngân hàng Nhà nước bằng văn bản và tài liệu chứng minh các thông tin liên quan (nếu có) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có các thay đổi nêu trên.

### Điều 20. Thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động

1. Ngân hàng Nhà nước xem xét thực hiện thu hồi Giấy phép một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có đơn đề nghị thu hồi Giấy phép do chấm dứt hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động được cấp phép theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Khi có hiệu lực bản án, quyết định thi hành án, quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan thi hành án hình sự có nội dung yêu cầu thu hồi Giấy phép của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động hoặc có văn bản yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan thi hành án hình sự đề nghị thu hồi Giấy phép của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;

d) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động sử dụng, lợi dụng tài khoản thanh toán, phương tiện thanh toán, dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật, rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

đ) Sau thời hạn 03 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo cho tổ chức vi phạm một trong các điều kiện trong quá trình cung ứng dịch vụ quy định tại Điều 15 Nghị định này và phải thực hiện các biện pháp khắc phục nhưng tổ chức không khắc phục được;

e) Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động phát hiện trong thời hạn 06 tháng liên tục, tổ chức không thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động được cấp phép cho khách hàng.

2. Quy trình, thủ tục thu hồi Giấy phép

a) Trường hợp tổ chức bị giải thể hoặc phá sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, tổ chức có đơn đề nghị thu hồi Giấy phép theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua Quyết định giải thể doanh nghiệp theo quy định tại [Luật Doanh nghiệp](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Doanh-nghiep-so-59-2020-QH14-427301.aspx" \t "_blank) hoặc ngày nhận được Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về phá sản. Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của tổ chức, Ngân hàng Nhà nước ra Quyết định thu hồi Giấy phép.

Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận được đơn đề nghị thu hồi Giấy phép do chấm dứt hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi Giấy phép.

Sau 20 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh một trong các trường hợp quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi Giấy phép.

b) Khi tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có dấu hiệu vi phạm trường hợp nêu tại điểm e khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước xem xét thu hồi Giấy phép và ra thông báo đề nghị tổ chức giải trình.

Sau 20 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước ra thông báo nhưng tổ chức được cấp Giấy phép không có văn bản giải trình hoặc nội dung giải trình không xác đáng, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi Giấy phép.

3. Ngay khi nhận được Quyết định của Ngân hàng Nhà nước về việc thu hồi Giấy phép, tổ chức bị thu hồi Giấy phép phải lập tức ngừng cung ứng dịch vụ.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định của Ngân hàng Nhà nước về việc thu hồi Giấy phép, tổ chức bị thu hồi Giấy phép phải gửi thông báo bằng văn bản tới các tổ chức và cá nhân liên quan để thanh lý hợp đồng và hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên theo quy định pháp luật.

Khi tổ chức bị thu hồi Giấy phép đã hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên theo quy định của pháp luật, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày tổ chức bị thu hồi Giấy phép trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức được đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ theo quy định tại Điều 15 Nghị định này. Quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định này.

# Chương III

# TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

## Mục 1

## TRÁCH NHIỆM TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DỊCH VỤ TIỀN DI ĐỘNG

### Điều 21. Trách nhiệm phối hợp cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động

1. Trách nhiệm phối hợp trong quá trình thẩm định

a) Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an về việc tuân thủ quy định pháp luật liên quan của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động trước khi được xem xét cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép theo quy định;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, các bộ, cơ quan liên quan tại điểm a khoản này có ý kiến bằng văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước;

c) Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép trên cơ sở hồ sơ và ý kiến của các bộ, cơ quan liên quan.

2. Ngân hàng Nhà nước công bố công khai về việc cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải công bố công khai Giấy phép, Quyết định sửa đổi, bổ sung, Quyết định thu hồi Giấy phép hoạt động trên trang thông tin điện tử chính thức của tổ chức đó để khách hàng biết.

### Điều 22. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước trong công tác thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động

Sau khi nhận được đầy đủ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động (sau đây gọi tắt là Hồ sơ) hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công an tiến hành thẩm định Hồ sơ.

1. Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm là đầu mối thẩm định các nội dung sau:

a) Tại Đề án cung ứng dịch vụ Tiền di động:

(i) Giới thiệu chung về tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động: Tên tổ chức; Quá trình hình thành và phát triển; Các ngành, nghề kinh doanh; Các nội dung liên quan khác (nếu có);

(ii) Quy trình nghiệp vụ kỹ thuật của dịch vụ đề nghị cấp phép: Sơ đồ và diễn giải các bước thực hiện nghiệp vụ dịch vụ Tiền di động; Quy trình dòng tiền từ lúc khởi tạo giao dịch đến lúc quyết toán nghĩa vụ giữa các bên liên quan;

(iii) Cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán đối với dịch vụ Tiền di động: Việc mở tài khoản đảm bảo thanh toán cho việc cung ứng dịch vụ Tiền di động; Việc duy trì tổng số dư trên tất cả các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động; Mục đích sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động; Công cụ để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công an có thể truy cập hệ thống để khai thác thông tin, dữ liệu, giám sát theo thời gian thực tổng số dư của các tài khoản Tiền di động và số tiền trên các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;

(iv) Quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ;

(v) Nguyên tắc chung và quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

(vi) Quy định về quản lý Đơn vị chấp nhận thanh toán.

b) Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

c) Hồ sơ về nhân sự.

2. Ngân hàng Nhà nước thực hiện phối hợp thẩm định đối với các nội dung do Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an đầu mối thẩm định.

### Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ trong công tác thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động

1. Bộ Khoa học và Công nghệ là đầu mối thẩm định đối với một số nội dung sau trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động:

a) Tại Đề án cung ứng dịch vụ Tiền di động:

(i) Giới thiệu chung về tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động: Định hướng cung ứng và triển khai cung ứng dịch vụ Tiền di động sau khi được cấp Giấy phép; Việc thành lập một Đơn vị/bộ phận riêng để vận hành, triển khai việc cung ứng dịch vụ Tiền di động; Các nội dung liên quan khác (nếu có);

(ii) Quy trình nghiệp vụ kỹ thuật của dịch vụ đề nghị cấp phép: Phạm vi cung ứng; Đối tượng khách hàng; Điều kiện sử dụng dịch vụ; Sơ đồ và diễn giải các bước mở tài khoản Tiền di động (trong đó có quy trình về mở tài khoản Tiền di động bằng phương thức điện tử), định danh tài khoản Tiền di động; Phương án cụ thể để quản lý tách bạch tài khoản Tiền di động với tài khoản của SIM thuê bao di động (là tài khoản sử dụng cho việc cung cấp và sử dụng dịch vụ thông tin di động, dịch vụ viễn thông);

(iii) Quy định về cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán: Nội dung về công cụ để khai thác thông tin, dữ liệu, giám sát việc tuân thủ của tổ chức đề nghị cấp Giấy phép đối với các hành vi bị cấm; Công cụ phản ánh đầy đủ thông tin về các tài khoản Tiền di động của khách hàng và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin cung cấp trên công cụ; Công cụ để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công an có thể truy cập hệ thống để khai thác thông tin, dữ liệu, giám sát theo thời gian thực tổng số dư của các tài khoản Tiền di động và số tiền trên các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;

(iv) Quy định về việc lựa chọn và quản lý các điểm kinh doanh;

(v) Quy trình và thủ tục giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp;

(vi) Quy định về xây dựng hệ thống theo dõi, kiểm soát để phản ánh chính xác doanh thu phát sinh từ việc cung ứng dịch vụ Tiền di động;

(vii) Quy trình quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật;

(viii) Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật về hệ thống công nghệ thông tin;

(ix) Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần số vô tuyến điện.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện phối hợp thẩm định đối với các nội dung do Ngân hàng Nhà nước và Bộ Công an đầu mối thẩm định.

### Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Công an trong công tác thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động

1. Bộ Công an là đầu mối thẩm định đối với một số nội dung sau trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động:

a) Hồ sơ nhân sự.

b) Công cụ để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công an có thể truy cập hệ thống để khai thác thông tin, dữ liệu, giám sát theo thời gian thực tổng số dư của các tài khoản Tiền di động và số tiền trên các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động.

2. Bộ Công an thực hiện phối hợp thẩm định đối với các nội dung do Ngân hàng Nhà nước và Bộ Khoa học và Công nghệ đầu mối thẩm định.

### Điều 25. Trách nhiệm phối hợp trong công tác theo dõi, báo cáo, kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện dịch vụ Tiền di động

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Đầu mối, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công an thực hiện công tác kiểm tra theo kế hoạch hoặc trong trường hợp cần thiết (kiểm tra đột xuất) các tổ chức cung ứng dịch vụ, các điểm kinh doanh của tổ chức cung ứng dịch vụ trong quá trình hoạt động, triển khai cung ứng dịch vụ Tiền di động. Cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền thanh tra khi phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc hành vi vi phạm quy định pháp luật về việc cung ứng dịch vụ Tiền di động. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong công tác thanh tra các tổ chức cung ứng dịch vụ Mobile-Money theo quy định của pháp luật.”

b) Thực hiện quản lý, giám sát các hoạt động của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động và các điểm kinh doanh trong thời gian triển khai cung ứng dịch vụ để đảm bảo tuân thủ các quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Giám sát việc tuân thủ của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động đối với các hành vi bị cấm, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm theo quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

d) Quản lý việc thu phí dịch vụ Tiền di động của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động.

đ) Hướng dẫn và giải đáp vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai dịch vụ liên quan tới việc sử dụng tài khoản viễn thông, ứng dụng viễn thông và Internet trong dịch vụ Tiền di động.

e) Phối hợp, chủ động cung cấp thông tin cho Bộ Công an về các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật để kịp thời triển khai các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn.

2. Ngân hàng Nhà nước

a) Chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát số dư tài khoản đảm bảo thanh toán cho việc cung ứng dịch vụ Tiền di động của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động tại ngân hàng thương mại.

b) Thực hiện theo dõi tình hình triển khai, hướng dẫn và giải đáp vướng mắc trong quá trình cung ứng dịch vụ về sử dụng tài khoản Tiền di động trong hoạt động thanh toán.

c) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an trong công tác kiểm tra, thanh tra các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động, điểm kinh doanh triển khai cung ứng dịch vụ Tiền di động.

d) Phối hợp, chủ động cung cấp thông tin cho Bộ Công an về các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật để kịp thời triển khai các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn.

3. Bộ Công an

a) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về an ninh đối với các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động.

b) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng Nhà nước phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm, các hành vi bị cấm theo quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát, thanh tra hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động, các điểm kinh doanh trong quá trình triển khai cung ứng dịch vụ.

d) Chủ động phát hiện, điều tra và xử lý kịp thời các hành vi lợi dụng dịch vụ Tiền di động để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

4. Nếu phát hiện những điểm chưa phù hợp có liên quan hoạt động ngân hàng, viễn thông, an ninh quốc gia thì Ngân hàng Nhà nước, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an có trách nhiệm chủ động giải quyết theo thẩm quyền hoặc phản ánh đến cơ quan, người có thẩm quyền để xem xét giải quyết.

## Mục 2

## QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CUNG ỨNG

## DỊCH VỤ

### Điều 26. Quyền của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động

1. Quy định điều kiện sử dụng dịch vụ; yêu cầu khách hàng cung cấp đầy đủ và chính xác thông tin có liên quan khi sử dụng dịch vụ và trong quá trình sử dụng dịch vụ; từ chối cung cấp dịch vụ khi khách hàng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện để sử dụng dịch vụ, không tuân thủ quy định của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động hoặc vi phạm các thỏa thuận khác.

2. Quy định các biện pháp đảm bảo an toàn cho việc sử dụng dịch vụ.

3. Quy định loại phí và mức phí sử dụng dịch vụ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

4. Lựa chọn ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các tổ chức khác làm đối tác để ký kết hợp đồng hoặc thỏa thuận cung ứng, phát triển dịch vụ trên cơ sở đảm bảo an toàn, hiệu quả và phù hợp với nội dung Giấy phép và quy định của pháp luật.

5. Các quyền khác theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đơn vị chấp nhận thanh toán, điểm kinh doanh, khách hàng và đối tác phù hợp với quy định của pháp luật.

### Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động

1. Tổ chức được cấp Giấy phép lần đầu, cấp sửa đổi, bổ sung và cấp lại Giấy phép nộp lệ phí cấp Giấy phép theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Tổ chức được cấp Giấy phép lần đầu, cấp sửa đổi, bổ sung và cấp lại Giấy phép phải nộp lệ phí cấp Giấy phép tại Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy phép.

2. Đối với khách hàng:

a) Thực hiện lệnh thanh toán của chủ tài khoản Tiền di động sau khi đã kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của lệnh thanh toán.

b) Lưu giữ và cập nhật đầy đủ các mẫu chữ ký, mẫu dấu (nếu có) của khách hàng đã đăng ký để kiểm tra, đối chiếu trong quá trình sử dụng dịch vụ.

c) Kịp thời ghi Có vào tài khoản Tiền di động của khách hàng các lệnh thanh toán chuyển tiền đến, nạp tiền vào tài khoản Tiền di động; hoàn trả các khoản tiền do sai sót đã ghi Nợ đối với tài khoản Tiền di động của khách hàng; phối hợp hoàn trả các khoản tiền đã được xác định chuyển nhầm vào tài khoản Tiền di động của khách hàng theo đề nghị của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện lệnh chuyển tiền.

d) Thông tin đầy đủ, kịp thời cho chủ tài khoản Tiền di động về số dư, các giao dịch, chứng từ của các giao dịch phát sinh trên tài khoản Tiền di động và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với những thông tin mà mình cung cấp.

đ) Cập nhật thông tin khách hàng định kỳ hoặc khi khách hàng thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ mở tài khoản Tiền di động và kịp thời cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng khi xác định khách hàng có mức độ rủi ro cao theo tiêu chí do tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động ban hành; bảo quản lưu trữ hồ sơ mở tài khoản Tiền di động và các chứng từ giao dịch qua tài khoản Tiền di động theo đúng quy định của pháp luật.

e) Bảo mật các thông tin, dữ liệu cá nhân của khách hàng hoặc dữ liệu cá nhân do khách hàng cung cấp, các thông tin liên quan đến tài khoản Tiền di động và các giao dịch trên tài khoản Tiền di động của khách hàng theo quy định của pháp luật.

g) Hướng dẫn khách hàng sử dụng tài khoản Tiền di động an toàn, thông báo, giải thích cho khách hàng về hành vi bị cấm trong mở, sử dụng tài khoản Tiền di động và giải đáp, xử lý kịp thời thắc mắc, khiếu nại của khách hàng trong mở và sử dụng tài khoản Tiền di động theo quy định tại Nghị định này và thỏa thuận giữa chủ tài khoản Tiền di động với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động.

h) Ban hành quy định nội bộ về mở và sử dụng tài khoản Tiền di động tại tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động; hướng dẫn, thông báo công khai để khách hàng biết và thực hiện.

3. Đối với ngân hàng hợp tác:

a) Đáp ứng đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ phát sinh đối với các giao dịch theo thỏa thuận giữa tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động với ngân hàng hợp tác và phù hợp với các quy định pháp luật;

b) Có hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng hợp tác trong cung ứng dịch vụ Tiền di động; trong đó phải có nội dung về quyền, nghĩa vụ cụ thể của các bên trong việc: Lựa chọn, ký kết hợp đồng hoặc thỏa thuận với đơn vị chấp nhận thanh toán; trách nhiệm giám sát, kiểm tra đối với đơn vị chấp nhận thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng hoặc thỏa thuận;

b) Giải quyết các yêu cầu tra soát, khiếu nại của khách hàng, đơn vị chấp nhận thanh toán;

c) Quyền, nghĩa vụ khác có liên quan.

c) Phối hợp với ngân hàng hợp tác và các đối tác thực hiện kiểm tra, đối soát dữ liệu giao dịch hàng ngày phát sinh trên tài khoản của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động mở tại ngân hàng hợp tác theo thỏa thuận giữa các bên.

4. Đối với đơn vị chấp nhận thanh toán

a) Có hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản với ĐVCNTT, trong đó phải quy định cụ thể các nội dung: quyền và trách nhiệm của các bên; quy định rõ việc ĐVCNTT phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các hàng hóa, dịch vụ cung ứng và cam kết không thực hiện các giao dịch bị cấm theo quy định của pháp luật; yêu cầu ĐVCNTT cam kết không được thu thêm các loại phí đối với khách hàng khi thanh toán thông qua dịch vụ thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào; việc xử lý dữ liệu cá nhân của khách hàng hoặc dữ liệu cá nhân do khách hàng cung cấp, việc cung cấp thông tin cho bên thứ ba nhằm phục vụ việc nhận biết ĐVCNTT; các trường hợp chấm dứt hợp đồng.

b) Hướng dẫn ĐVCNTT sử dụng quy trình thủ tục thanh toán, sử dụng các phương tiện thanh toán, biện pháp phát hiện gian lận, giả mạo và yêu cầu bảo mật thông tin tài khoản, giao dịch của khách hàng trong thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

c) Thực hiện quy định nội bộ về quy trình, thủ tục nhận biết, xác minh ĐVCNTT đảm bảo tính chính xác, xác thực và cập nhật thường xuyên thông tin về dữ liệu của ĐVCNTT:

(i) Phân loại tính chất, mô hình kinh doanh, giấy tờ chứng minh loại hình doanh nghiệp/hộ kinh doanh; tuân thủ quy định về phòng chống, rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

(ii) Kiểm tra thực tế điểm kinh doanh hoặc kiểm tra qua kênh bán hàng trực tuyến để kiểm tra tính phù hợp của giấy tờ chứng minh loại hình kinh doanh;

(iii) Xây dựng các tiêu chí lựa chọn phát triển ĐVCNTT;

d) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải ban hành các cơ chế quản lý nhận diện các rủi ro, phân nhóm các loại rủi ro xảy ra đối với từng loại hình dịch vụ thanh toán thực hiện qua ĐVCNTT; đánh giá, phân loại các ĐVCNTT theo mức độ rủi ro; thường xuyên theo dõi, giám sát và có biện pháp kiểm tra, quản lý chặt chẽ hoạt động của ĐVCNTT trong quá trình thực hiện hợp đồng/văn bản đã ký kết nhằm phát hiện và giải quyết hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm về hoạt động thanh toán theo quy định của pháp luật; đối với ĐVCNTT có mức độ rủi ro cao phải có công cụ hoặc biện pháp để theo dõi, kiểm tra các giao dịch thanh toán của ĐVCNTT một cách đầy đủ và toàn diện bao gồm tăng tần suất kiểm tra thực tế hoặc kiểm tra qua kênh bán hàng trực tuyến.

đ) Tiếp nhận và xử lý các yêu cầu tra soát, khiếu nại của ĐVCNTT.

e) Yêu cầu ĐVCNTT mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để nhận tiền thanh toán từ việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Yêu cầu ĐVCNTT cung cấp các hóa đơn, chứng từ giao dịch thanh toán tại ĐVCNTT theo quy định của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động hoặc trong các trường hợp cần thiết nhằm kiểm soát tính hợp lệ, hợp pháp của giao dịch thanh toán.

g) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin và tài liệu về các giao dịch thanh toán qua ĐVCNTT cho Ngân hàng Nhà nước hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.

5. Đối với điểm kinh doanh

a) Áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) tại các điểm kinh doanh để nhận biết và xác thực chính xác khách hàng (nhận diện khuôn mặt, mống mắt,...) khi khách hàng đăng ký và sử dụng dịch vụ Tiền di động tại Điểm kinh doanh, không để xảy ra tình trạng mở tài khoản Tiền di động vi phạm pháp luật;

b) Đảm bảo các điểm kinh doanh không chuyển giá trị thẻ thanh toán dịch vụ thông tin di động sang tài khoản Tiền di động;

c) Xây dựng cơ chế kiểm soát các giao dịch tiền mặt (nạp, rút tiền mặt vào/ra tài khoản Tiền di động) phát sinh tại các điểm kinh doanh đảm bảo nhận biết và kiểm soát được chính xác số tiền đã nhận của khách hàng; đối soát với tổng số dư tài khoản Tiền di động của khách hàng; đảm bảo số tiền các điểm kinh doanh đã nhận của khách hàng phải được nạp tương ứng theo tỷ lệ 1:1 vào tài khoản Tiền di động của khách hàng.

d) Thông báo công khai danh sách các điểm kinh doanh bằng ít nhất một trong các phương thức: trang thông tin điện tử, ứng dụng điện tử của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động hoặc tại các điểm kinh doanh;

đ) Xây dựng cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, yêu cầu về nâng cao, đào tạo nghiệp vụ cho nhân sự tại các điểm kinh doanh.

e) Yêu cầu các điểm kinh doanh gửi báo cáo định kỳ và báo cáo ngay các giao dịch bất thường, đáng ngờ cho tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;

g) Xây dựng cơ chế đảm bảo an toàn thanh toán của các điểm kinh doanh; xây dựng quy trình xử lý giao dịch giữa tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động và các điểm kinh doanh đối với từng nghiệp vụ; quy trình đối soát, thanh, quyết toán; quy trình xử lý tra soát, khiếu nại, tranh chấp của khách hàng đối với giao dịch phát sinh tại các điểm kinh doanh.”

6. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh trong trường hợp:

a) Thiệt hại do sai sót hoặc do lỗi của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động bao gồm việc không tuân thủ đúng quy định pháp luật về an toàn, bảo mật trong cung cấp dịch vụ;

b) Khách hàng, tài khoản Tiền di động của khách hàng đã được cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo liên quan đến gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật nhưng tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động không có biện pháp xử lý kịp thời.

7. Tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố và không thực hiện những hành vi bị cấm về mở và sử dụng tài khoản Tiền di động theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

8. Đối với việc sử dụng tài khoản Tiền di động để thực hiện giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm:

a) Quy định về giấy tờ, chứng từ liên quan đến các giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài bằng tài khoản Tiền di động và thực hiện kiểm tra, lưu giữ giấy tờ, chứng từ tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối và giao dịch điện tử;

b) Giám sát chặt chẽ và chịu trách nhiệm đảm bảo việc thực hiện giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài bằng tài khoản Tiền di động đúng mục đích, hạn mức sử dụng tài khoản Tiền di động quy định tại Nghị định này và phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Trường hợp người không cư trú, người cư trú là cá nhân nước ngoài sử dụng tài khoản Tiền di động, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải có biện pháp kiểm tra, giám sát chặt chẽ để đảm bảo tài khoản Tiền di động chỉ được thực hiện các giao dịch thu, chi tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối về việc sử dụng tài khoản đồng Việt Nam của người không cư trú, người cư trú là cá nhân nước ngoài và quy định tại Nghị định này.

10. Các trách nhiệm khác theo hợp đồng hoặc thỏa thuận ký với ngân hàng hợp tác, đơn vị chấp nhận thanh toán, đối tác khác và khách hàng, phù hợp với quy định của pháp luật.

11. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải đảm bảo việc hạch toán, theo dõi các khoản thu/chi liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động tách bạch với các hoạt động kinh doanh khác (nếu có) của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động.

## QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

### Điều 28. Quyền của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Quyền của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

a) Lựa chọn tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động để hợp tác, cung ứng dịch vụ;

b) Ký kết hợp đồng hoặc thỏa thuận với các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép;

c) Thực hiện các quyền theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động và các bên liên quan, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Quyền của ngân hàng hợp tác:

a) Yêu cầu các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến các giao dịch thông qua việc cung ứng dịch vụ với ngân hàng hợp tác phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên;

b) Từ chối giao dịch nếu tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động không sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán theo quy định tại Điều 11 Nghị định này;

### Điều 29. Trách nhiệm của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Trách nhiệm của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

a) Chỉ hợp tác với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép.

b) Thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động, đơn vị chấp nhận thanh toán, khách hàng và các bên liên quan, phù hợp với quy định của pháp luật;

2. Trách nhiệm của ngân hàng hợp tác:

a) Phối hợp với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động và các đối tác thực hiện kiểm tra, đối soát dữ liệu giao dịch hàng ngày phát sinh trên tài khoản của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động mở tại ngân hàng hợp tác theo thỏa thuận giữa các bên;

b) Thực hiện việc thanh toán các giao dịch thanh toán cho các bên liên quan theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp tác cung cấp dịch vụ đã ký với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;

c) Mở tài khoản đảm bảo thanh toán cho tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động và đảm bảo tài khoản này không được sử dụng chung với tài khoản đảm bảo thanh toán cho việc cung ứng dịch vụ khác, tách bạch với các tài khoản thanh toán khác của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động; quản lý việc sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động theo đúng hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp tác đã ký với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động và quy định tại Nghị định này;

d) Không cho phép tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thực hiện giao dịch thấu chi trên tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động;

đ) Phối hợp với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động xây dựng quy trình và thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng liên quan tới các giao dịch thanh toán thông qua dịch vụ Tiền di động;

3. Trường hợp ngân hàng hợp tác ký kết hợp đồng hoặc thỏa thuận trực tiếp với đơn vị chấp nhận thanh toán (thỏa thuận có tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động tham gia), ngân hàng hợp tác phải thực hiện các trách nhiệm đối với đơn vị chấp nhận thanh toán theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định này.

### Điều 30. Quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị chấp nhận thanh toán

1. ĐVCNTT phải thực hiện niêm yết công khai về việc không phân biệt giá hoặc thu thêm tiền, phụ phí đối với các giao dịch thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ bằng tài khoản Tiền di động so với thanh toán bằng tiền mặt. ĐVCNTT phải hoàn trả lại hoặc thông qua tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động để hoàn trả lại cho khách hàng số tiền chênh lệch giá, phụ phí đã thu trái quy định.

2. ĐVCNTT có quyền yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động tra soát, khiếu nại đối với những giao dịch có sai sót hoặc nghi ngờ có sai sót.

3. ĐVCNTT thường xuyên kiểm tra, giám sát các thiết bị, công cụ chấp nhận thanh toán (POS/mPOS/QR code) của mình tại điểm chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ tránh việc sử dụng không đúng mục đích đã đăng ký và chịu trách nhiệm thiệt hại xảy ra do bị dán đè QR code không hợp lệ, hợp pháp khi khách hàng thực hiện giao dịch thanh toán.

### Điều 31. Quyền về thông tin, báo cáo

1. Ngân hàng Nhà nước, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an có quyền yêu cầu các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cung cấp thông tin có liên quan tới việc cung ứng dịch vụ theo định kỳ và đột xuất; việc cung cấp thông tin này thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có quyền yêu cầu khách hàng sử dụng dịch vụ cung cấp thông tin có liên quan khi sử dụng dịch vụ của mình.

### Điều 32. Nghĩa vụ về thông tin, báo cáo

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có nghĩa vụ báo cáo và cung cấp thông tin cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động định kỳ hàng quý (báo cáo quý I, II và III), định kỳ năm cho NHNN, Bộ KHCN, Bộ CA theo hướng dẫn của Bộ KHCN. Kỳ báo cáo quý được tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý (thực hiện Quý I, II, III); thời hạn nộp báo cáo chậm nhất là ngày 10 của tháng đầu tiên quý tiếp theo. Kỳ báo cáo năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12; thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 20 của tháng đầu năm tiếp theo ngay sau kỳ báo cáo.

3. Tổ chức cung ứng dịch Tiền di động có trách nhiệm xây dựng công cụ giám sát trực tuyến để các NHNN, Bộ KHCN, Bộ CA giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động theo hướng dẫn của Bộ KHCN.

4. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có nghĩa vụ cung cấp thông tin về giao dịch và số dư trên tài khoản Tiền di động của chủ tài khoản Tiền di động theo thỏa thuận với chủ tài khoản.

### Điều 33. Bảo mật thông tin

1. Quyền từ chối cung cấp thông tin

Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân khác về việc cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, giao dịch và số dư trên tài khoản Tiền di động trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

2. Nghĩa vụ bảo mật thông tin

Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm giữ bí mật các thông tin liên quan đến tài khoản, giao dịch và số dư trên tài khoản Tiền di động, trừ trường hợp được sự chấp thuận của khách hàng hoặc pháp luật có quy định khác.

# Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 34. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày… tháng… năm….

### Điều 35. Quy định chuyển tiếp

1. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm hoàn thiện thủ tục và gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 17 Nghị định này đến Ngân hàng Nhà nước để xem xét cấp Giấy phép.

2. Sau 24 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc cho phép các doanh nghiệp thực hiện thí điểm dịch vụ Mobile-Money, gia hạn thời gian thực hiện thí điểm cung ứng dịch vụ Mobile-Money hết hiệu lực.

### Điều 36. Trách nhiệm thi hành

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; -- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KTTH (3). |  | | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG** |